

Bản án số: 03/2023/HC-PT
Ngày 04 tháng 01 năm 2023.
V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

Ông Tô Chánh Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đám - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 590/2022/TLPT-HC ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định xử phạt hành chính về cưỡng chế áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 585/2022/HC-ST ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3282/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Tấn S, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số A7/12 ấp 1, đường T, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Hữu Thành T – Chuyên viên Phòng Quản lý đô thị, có mặt.

- Bà Phan Thị Bảo C – Phó trưởng Phòng Quản lý đô thị, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Tấn S – Chủ Doanh nghiệp tư nhân H.

Địa chỉ: Số A7/12 ấp 1, đường T, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B - Là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện của ông Nguyễn Tấn S và lời khai của ông Ngô Châu T là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Toàn bộ khu đất tại địa chỉ A7/16, ấp 1, đường T, xã T, huyện B có nguồn gốc do ông Nguyễn Tấn S nhận chuyển nhượng của các ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn B, ông Huỳnh Văn H, ông Võ Văn V và ông Nguyễn Tấn S được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 52 diện tích 1.965m²; thửa 20 diện tích 455m²; các thửa: 2718, 2719, 2724, 2725, 2726, 2727 diện tích 3.727m² và các thửa: 2873, 2821, 2822 diện tích 3.667m² gồm, thuộc tờ bản đồ 01 tọa lạc tại địa chỉ A7/16, ấp 1, đường T, xã T, huyện B.

Năm 1997, ông Nguyễn Tấn S khởi công xây dựng một số công trình phục vụ mục đích kinh doanh trên các thửa đất của ông Nguyễn Tấn S đã nhận chuyển nhượng, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Tấn S và không có tranh chấp về ranh giới với bất kỳ ai, khi xây dựng ông Nguyễn Tấn S có xin phép cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, được Ủy ban nhân dân xã T (Viết tắt UBND xã T) xác nhận thời điểm hoàn thành xây dựng năm 1997 theo nội dung trong Bản kê khai công trình được phép tồn tại ngày 10/7/2006. Khoảng năm 2003, ông Nguyễn Tấn S có xây dựng thêm một số công trình khác và hoàn thành cùng năm 2003.

Đến cuối tháng 4/2019, UBND xã T cử một số cán bộ xã đến vị trí thửa đất của ông Nguyễn Tấn S tại địa chỉ A7/16, ấp 1, đường T, xã T, huyện B lập biên bản xử lý vi phạm hành chính. Ông Nguyễn Tấn S cho rằng biên bản xử lý vi phạm hành chính không chỉ rõ phạm vi phạm của ông ở đâu, việc lấn chiếm xảy ra từ thời điểm nào và diện tích lấn chiếm là bao nhiêu nên ông Nguyễn Tấn S đã không ký vào biên bản xử phạt vi phạm hành chính của các cán bộ xã T lập ngày 07/5/2019.

Ngày 29/5/2019, ông Nguyễn Tấn S nhận được Quyết định số 287/QĐ-KPHQ (Viết tắt Quyết định 287) ngày 21/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B (Viết tắt Chủ tịch UBND huyện B) về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính “thi công xây dựng công trình nhà ở, công trình phụ, cầu, kè, bến bốc dỡ hàng hoá, nơi sản xuất bãi chứa vật liệu trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi” đối với 07 (bảy) công trình trên thửa đất thuộc sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Tấn S, tổng diện tích lấn chiếm rạch 668,8m². Đến ngày 15/8/2019 Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 575/QĐ-CC về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 19/01/2021 Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 30/QĐ-CC về sửa đổi, bổ sung quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Tấn S. Ngày 12/03/2021, Chủ tịch UBND huyện B có Quyết định số 128/QĐ-HBXPVPHC hủy bỏ Quyết định số 30/QĐ-CC ngày 19/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện B nên ông Nguyễn Tấn S rút yêu cầu này.

Do Chủ tịch UBND huyện B đã ban hành quyết định có nội dung trái pháp luật, làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Nguyễn Tấn S. Nên ông Nguyễn Tấn S khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 287/QĐ-KPHQ ngày 21/5/2019 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 575/QĐ-CC ngày 15/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện B.

- Tại Công văn số 23/UBND ngày 06/01/2020, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B có ý kiến: UBND xã T lập Biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC ngày 07/5/2019 tại công trình nhà ở công trình phụ, cầu, kè, bến bốc dỡ hàng hóa, nơi sản xuất bãi chứa vật liệu trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi ghi nhận người vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm và không có chữ ký vào biên bản, nhưng có chữ ký của 02 người chứng kiến và xác nhận của UBND xã T.

Căn cứ Phiếu chuyển số 09/PC-UBND ngày 09/5/2019 của UBND xã T kiến nghị Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định khắc phục hậu quả trong hoạt động xây dựng đối với ông Nguyễn Tấn S tại A7/16 ấp 1, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Tờ trình số 3163/TTr-QLĐT-HT ngày 17/5/2019 của Phòng Quản lý đô thị huyện B về việc đề xuất Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định khắc phục hậu quả trong hoạt động xây dựng đối với ông Nguyễn Tấn S.

Ngày 21/5/2019, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 287/QĐ-KPHQ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Tấn S; Căn cứ quy định pháp luật về trình tự, thủ tục ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, được quy định tại: Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 19/7/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành;

Hành vi vi phạm hoạt động xây dựng của người vi phạm được xác lập theo Biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC do Ủy ban nhân dân xã T lập lúc 9 giờ 00 phút, ngày 07/5/2019, cụ thể: Ông Nguyễn Tấn S đã thực hiện các hành vi vi phạm hành chính: Tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở công trình phụ, cầu, kè, bến bốc dỡ hàng hóa, nơi sản xuất bãi chứa vật liệu trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, cụ thể:

+ Diện tích lấn chiếm rạch là: $125,1m^2 + 543,7m^2 = 668,8m^2$; Căn cứ vào Bản đồ đo đạc hiện trạng vị trí áp ranh số 122765/ĐBĐ ngày 22/02/2017 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Xây dựng nhà ở, công trình phụ, cầu, kè, bến bốc dỡ hàng hóa, nơi sản xuất, bãi chứa vật liệu trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

Các công trình vi phạm trên rạch:

+ Công trình 1: Diện tích $4,3m \times 18,5m = 79,55m^2$; kết cấu: cột bê tông, vách gạch, vi phạm năm 2003.

+ Công trình 2: Diện tích $4,8m \times 10m = 48m^2 + (2m \times 10m)/2 = 10m^2$; kết cấu: cột bê tông, vách gạch, mái tole vi phạm năm 2003.

+ Công trình 3: Diện tích $8,7m \times 4,7m = 41,76m^2 + 3,4m \times 11,5m = 39,1m^2 + 2,6m \times 9m = 23,4m^2$; kết cấu: cột bê tông, vách gạch, mái tole vi phạm năm 2003.

+ Công trình 4: Diện tích $3,8m \times 15,8m = 60,04m^2 + 1,8m \times 6,3m = 11,34m^2$; kết cấu: cột sắt, vách gạch, mái tole vi phạm năm 2003.

+ Công trình 5: Diện tích $(3,3m + 0,9m) \times 4,6m/2 = 9,66m^2 + 37,6m \times 4,4m = 165,44m^2 + (1,43+2,4m) \times 13,4/2 = 25,6m^2 + (0,5 + 0,8) \times 1,37/2 = 0,9m^2 +$

$(10,1+5,1m) \times 3,38m/2 = 25,7m^2$; kết cấu: cột sắt, vách gạch, mái tole vi phạm năm 2003.

+ Công trình 6: Diện tích: $7,2 \times 2,2 = 15,84m^2 + (2,2m + 3,6m) \times 11m = 31,9m^2 + 20,3m \times 3,7 = 75,11m^2$; kết cấu: cột sắt, vách gạch, mái tole vi phạm năm 2003.

+ Công trình 7: Hàng rào dài 155m, cao 2,6m; kết cấu: cột bê tông, vách gạch vi phạm năm 2003.

Về lý do không ban hành quyết định xử phạt: Đã quá thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Về biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi nêu trên.

Ngày 17/6/2019, Đội Quản lý trật tự đô thị phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T tiến hành kiểm tra việc thực hiện Quyết định số 287. Ông Nguyễn Tấn S chưa chấp hành hình thức phạt chính và chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả theo nội dung quyết định.

Ngày 15/8/2019 Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 575/QĐ-CC về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Căn cứ khoản 1 Điều 67, khoản 2 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính, áp dụng theo mẫu Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 19/7/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 287/QĐ-KPHQ ngày 21/5/2019 về biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 575/QĐ-CC ngày 15/8/2019 của Chủ tịch UBND Bình Chánh về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng trình tự, thủ tục quy định pháp luật.

Do đó, UBND huyện B đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn S, giữ nguyên Quyết định số 287/QĐ-KPHQ và Quyết định số 575/QĐ-CC của Chủ tịch UBND huyện B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 585/2022/HC-ST ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 67, Điều 74, Điều 75, Điều 116, điểm b khoản 1 Điều 143, Điều 158 Điều 193, Điều 194, Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 19/7/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành; Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều;

Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn S: Hủy các Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 287/QĐ-KPHQ ngày 21/5/2019; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 575/QĐ-CC ngày 15/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện B.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 94/2020/QĐ-BPKCTT ngày 29/4/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; về đình chỉ việc giải quyết đối với Quyết định số 30/QĐ-CC ngày 19/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện B về sửa đổi, bổ sung quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Tấn S; về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 30/5/2022 Chủ tịch UBND huyện B làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn S.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người bị kiện có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị kiện đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn S.

- Người khởi kiện ông Nguyễn Tấn S đề nghị bác đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về yêu cầu kháng cáo của người bị khởi kiện: Kiểm sát viên đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện B làm trong thời hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện để thụ lý, xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính:

Ông Nguyễn Tấn S khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 287/QĐ-KPHQ ngày 21/5/2019; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 575/QĐ-CC ngày 15/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện B. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Người bị kiện có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[3] Xét tính hợp pháp của các quyết định bị khiếu kiện:

[3.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt hành chính:

Phó Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 287/QĐ-KPHQ ngày 21/5/2019 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 575/QĐ-CC ngày 15/8/2019 là đúng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và khoản 6 Điều 29 của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

[3.2] Xét căn cứ, trình tự, thủ tục ban hành quyết định xử phạt hành chính:

Tại biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC ngày 07/5/2019 của UBND xã T đã lập với nội dung ông Nguyễn Tấn S đã có hành vi vi phạm hành chính tại điểm a, b khoản 5 Điều 17 của Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ trong việc xây dựng cụ thể là lấn chiếm đất rạch Lương Quyền 668,8m² (Căn cứ vào Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh số 122765/ĐDBĐ ngày 22/2/2017 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh). Các công trình vi phạm trên rạch Lương Quyền, cụ thể: Xây dựng nhà ở, công trình phụ, cầu, kè, bến bồng dờ hàng hóa, nơi sản xuất, bãi chứa vật liệu trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Các công trình vi phạm trên rạch gồm: Công trình 1: Diện tích 4,3m x 18,5m = 79,55m² có kết cấu cột bê tông vách gạch, vi phạm năm 2003; Công trình 2: Diện tích 4,8m x 10m = 48m² + (2m x 10m)/2 = 10m² có kết cấu cột bê tông, vách gạch, mái tole vi phạm năm 2003; Công trình 3: Diện tích 8,7m x 4,7m = 41,76m² + 3,4m x 11,5m = 39,1m² + 2,6m x 9m = 23,4m² có kết cấu cột bê tông, vách gạch, mái tole vi phạm năm 2003; Công trình 4: Diện tích 3,8m x 15,8m = 60,04m² + 1,8m x 6,3m = 11,34m² có kết cấu cột sắt, vách gạch, mái tole vi phạm năm 2003; Công trình 5: Diện tích (3,3m + 0,9m) x 4,6m/2 = 9,66m² + 37,6m x 4,4m 165,44m² + (1,43 + 2,4m) x 13,4/2 = 25,6m² + (0,5 + 0,8) x 1,37/2 = 0,9m² + (10,1 + 5,1m) x 3,38m/2 = 25,7m² có kết cấu cột sắt, vách gạch, mái tole vi phạm năm 2003; Công trình 6: Diện tích: 7,2 x 2,2 = 15,84m² + (2,2m + 3,6m) x 11m = 31,9m² + 20,3m x 3,7 = 75,11m²; kết cấu: cột sắt, vách gạch, mái tole vi phạm năm 2003; Công trình 7: Hàng rào dài 155m, cao 2,6m; kết cấu: cột bê tông, vách gạch vi phạm năm 2003. Ngày 21/5/2019 Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 287/QĐ-KPHQ đối với ông Nguyễn Tấn S buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với diện tích lấn chiếm đất rạch 668,8m².

Tuy nhiên tại Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh số 122765/ĐĐBĐ ngày 22/2/2017 (Bút lục 139) của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh đo vẽ hiện trạng khu đất ông Nguyễn Tấn S đang sử dụng có tổng diện tích 10.854,3m², trong đó diện tích 8.468,7m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tấn S và có 2.385,6m² ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong khi đó, Ông Nguyễn Tấn S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng diện tích 9.814m² đất gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00246 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/3/2006 với diện tích 1.965m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 843/QSĐĐ/2003 do UBND huyện B cấp ngày 20/01/2003 với diện tích 455m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 844/QSĐĐ/2003 do UBND huyện B cấp ngày 06/01/2001 với diện tích 3.727m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 845/QSĐĐ/2003 do UBND huyện B cấp ngày 10/01/2003 với diện tích 3.667m².

So sánh diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích theo đo đạc tại theo Bản đồ hiện trạng vị trí –áp ranh số 122765/ĐĐBĐ thì diện tích đất của ông Nguyễn Tấn S đang sử dụng có tăng hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 1.040,3m² (10.854,3m² - 9.814m²). Tuy nhiên, tại Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh của Trung tâm đo đạc - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 08/2/2020 số hợp đồng 14154/TTĐĐBĐ-VPĐĐ (Bút lục 209) thì hiện trạng khu đất ông Nguyễn Tấn S đang sử dụng với tổng diện tích 10.353,4m². So sánh diện tích đất theo Bản đồ hiện trạng vị trí- áp ranh của Trung tâm đo đạc - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 08/2/2020 với diện tích đất của ông Nguyễn Tấn S tại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất theo hiện trạng thực tế mà ông Nguyễn Tấn S đang sử dụng chênh lệch tăng là 539,4m² (10.353,4m² - 9.814m²).

Như vậy qua hai lần đo đạc hiện trạng vị trí – áp ranh năm 2017 và năm 2020 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thì có hai kết quả không giống nhau. UBND huyện B căn cứ vào Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh số 122765/ĐĐBĐ ngày 22/2/2017 (Bút lục 139) của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện tại biên bản vi phạm hành chính để ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 287/QĐ-KPHQ ngày 21/5/2019 đối với ông Nguyễn Tấn S cho rằng ông Nguyễn Tấn S lấn chiếm đất rạch Lương Quyền 668,8m². Trong khi Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh số 122765/ĐĐBĐ ngày 22/2/2017 không thể hiện vị trí của 07 công trình xây dựng vi phạm do lấn chiếm rạch Lương Quyền.

Mặt khác, theo Bản đồ hiện trạng công trình xây dựng số hợp đồng 01/2013/VPBC ngày 19/6/2013 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn xây dựng – Đo đạc bản đồ Anh Quân có xác nhận của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện B đã kiểm tra nội nghiệp ngày 15/7/2013 đã xác định ông Nguyễn Tấn S xây dựng công trình trên hành lang bảo vệ rạch với diện tích 1.018,4m² (Bút lục 363).

Như vậy, chưa có đủ căn cứ xác định ông Nguyễn Tấn S có hành vi vi phạm hành chính do lấn chiếm rạch Lương Quyền để xây dựng công trình theo biên bản

vi hành chính số 03/BB-VPHC do UBND xã T lập ngày 07/5/2019 tại địa chỉ số A7/16 ấp 1, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, việc Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 287/QĐ-KPHQ ngày 21/5/2019 đối với ông Nguyễn Tấn S là chưa đủ căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính. Vì vậy ngày 15/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 575/QĐ-CC về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là chưa đúng quy định tại Điều 86, 87 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số 287/QĐ-KPHQ và Quyết định số 575/QĐ-CC của Chủ tịch UBND huyện B là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Tấn S thừa nhận có xây dựng công trình trước ngày 01/7/2004 trên hành lang bảo vệ rạch nên xin được phép tồn tại theo quy định của UBND Thành phố Hồ Chí Minh còn người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cho rằng các công trình ông Nguyễn Tấn S vi phạm nằm trong lòng rạch, chứ không thuộc hành lang bảo vệ rạch nên không đủ điều kiện tồn tại các công trình theo quyết định số: 22/2017/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, suối, kênh rạch, mương và hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cũng không xuất trình được chứng cứ để xác định vị trí của 07 công trình do ông Nguyễn Tấn S xây dựng đã lấn chiếm đất rạch thể hiện trên bản đồ đo đạc hiện trạng vị trí – áp ranh số 122765/ĐBĐ ngày 22/02/2017.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện B, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định trên.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 94/2020/QĐ-BPKCTT ngày 29/4/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; về đình chỉ việc giải quyết đối với Quyết định số 30/QĐ-CC ngày 19/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện B về sửa đổi, bổ sung quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Tấn S; về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính;
Không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện B.

2. Giữ nguyên bản án hành chính số: 585/2022/HCPT ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3, điểm a Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32, Điều 67, Điều 74, Điều 75, Điều 116, điểm b Khoản 1 Điều 143, Điều 158 Điều 193, Điều 194, Điều 206 của Luật tố tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số: 81/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 19/7/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành; Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều; Căn cứ Nghị định số: 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn S: Hủy các Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 287/QĐ-KPHQ ngày 21/5/2019 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 575/QĐ-CC ngày 15/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0002437 ngày 15/6/2022 của Cục Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh. Người bị kiện đã nộp đủ.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 94/2020/QĐ-BPKCTT Ngày 29/4/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; về đình chỉ việc giải quyết đối với Quyết định số 30/QĐ-CC ngày 19/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện B về sửa đổi, bổ sung quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Tấn S; về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

